

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMIN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SOMIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SOMIN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SOMIN CO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0106932651

3. Ngày thành lập: 11/08/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26 ngõ 32 Chùa Hà, tổ 25, tập thể Văn Công, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
2.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
3.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
4.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
5.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
6.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
7.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
8.	Sản xuất rượu vang	1102
9.	Bán mô tô, xe máy	4541
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
11.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
12.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
13.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản Quản lý bất động sản Quảng cáo bất động sản	6820
14.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
15.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Ủy thác mua bán hàng hóa	8299

17.	Quảng cáo	7310
18.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, Các xưởng hoá chất; Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; Đập và đê; Xây dựng đường hầm; Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.	4290
19.	Xây dựng công trình công ích	4220
20.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
21.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
22.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
23.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
24.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
25.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý; Môi giới thương mại;	4610
26.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
27.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Giao nhận hàng hóa	5229
28.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
29.	Bán buôn tổng hợp	4690
30.	Lập trình máy vi tính	6201
31.	Đúc sắt, thép	2431
32.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
33.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
34.	Cổng thông tin	6312
35.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322

36.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn gỗ cây, tre, nứa (Trừ loại nhà nước cấm); - Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế; - Bán buôn sơn và véc ni; - Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi; - Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn; - Bán buôn kính phẳng; - Bán buôn đồ ngũ kim và khoá; - Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; - Bán buôn bình đun nước nóng; - Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; - Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; - Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.	4663
37.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
38.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
39.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
40.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng	4390
41.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về môi trường	7490
42.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình. - Khảo sát địa chất công trình. - Khảo sát địa chất thuỷ văn. - Khảo sát hiện trạng công trình. - Giám sát thi công xây dựng công trình - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng công trình - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.	7110(Chính)

43.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
44.	Điều hành tua du lịch	7912
45.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
46.	Bán buôn thực phẩm	4632
47.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
48.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
49.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng	4932
50.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
51.	Bán buôn đồ uống	4633
52.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
53.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
54.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
55.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
56.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512

57.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
58.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng sắt và quặng kim loại màu; - Bán buôn sắt thép và kim loại màu ở dạng nguyên sinh; - Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu;	4662
59.	Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
60.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
61.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết:- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (Trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người); - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn dụng cụ y tế; - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
62.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
63.	Xuất bản phần mềm	5820
64.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
65.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
66.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
67.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ cổ);	4773
68.	Bán buôn gạo	4631
69.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
70.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
71.	Sản xuất xe có động cơ	2910
72.	Xây dựng nhà các loại	4100
73.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
74.	Phá dỡ	4311
75.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
76.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
77.	Tái chế phế liệu	3830
78.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại	4669

79.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
80.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
81.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	7730
82.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống; - Vệ sinh bể bơi hoặc bảo dưỡng; - Vệ sinh máy móc công nghiệp; - Vệ sinh đường xá; - Dịch vụ tẩy uế và diệt trùng (Không bao gồm xông hơi, khử trùng);	8129
83.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
84.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
85.	Cho thuê xe có động cơ	7710
86.	Đại lý du lịch	7911
87.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
88.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
89.	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 9.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THÀNH TRUNG	Tổ dân phố Đại Cát, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	346.500	3.465.000.000	35	031081000026	
			Tổng số	346.500	3.465.000.000	35		
2	NGUYỄN THÀNH LAM	Thôn Lạng An, Xã Lý Học, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	346.500	3.465.000.000	35	031091962	
			Tổng số	346.500	3.465.000.000	35		
3	NGUYỄN THỊ NHUNG	Thôn Lạng An, Xã Lý Học, Huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	148.500	1.485.000.000	15	031798370	
			Tổng số	148.500	1.485.000.000	15		
4	ĐỖ THỊ TỐ NHƯ	Tổ dân phố Đại Cát, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	148.500	1.485.000.000	15	031181000035	
			Tổng số	148.500	1.485.000.000	15		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: NGUYỄN THÀNH TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 07/10/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031081000026

Ngày cấp: 08/11/2013

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Tổ dân phố Đại Cát, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Tổ dân phố Đại Cát, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội